

*Con cóc trong hang,
Con cóc nhảy ra.
Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhảy đi.*

Nội dung bài thơ mà người ta thường gọi là bài thơ con cóc có nhiều khác nhau, rất phong phú. Nhưng chúng tôi chỉ nói về "cái nhìn", "cái thấy", cách thấy của người nông dân Việt xưa qua nội dung bài thơ.

Bài thơ diễn tả "cái nhìn chân xác" Là thấy mọi cảm giác, mọi suy nghĩ, mọi phản ứng tâm lý, mọi hiện tượng v.v... , nó như thế nào, thấy y như vậy.

Nó như vậy là như vậy, không thêm, không bớt, không chọn lựa, không đánh giá, không so sánh, không lẫn tránh, không tưởng tượng thế này hay thế kia, không đặt quan niệm, thành kiến của mình lên trên cái thấy sự nhận biết.

Nói một cách ngắn gọn thấy, nhận biết mà không phê phán và không can thiệp vào cái thấy, sự nhận biết.

Bài thơ con cóc giản dị dễ học, dễ nhớ, gợi hình đi thẳng vào lòng người, không cần giải thích kiến giải dông dài để thuyết phục.

Trong lời giới thiệu cuốn Như Ảo, Như Thực của tác giả Kim Lư, giáo sư Đàm Quang Hưng đã trình bày chữ thấy trong ngôn ngữ Việt Nam.

Chữ thấy được dùng để diễn tả cảm nhận do ngũ quan cũng như do tâm linh của con người.

Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du đã dùng chữ thấy để diễn tả cảm nhận:

- Bằng thị giác:

*Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

- Bằng thính giác:

*Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dỡ tiệc hoa chưa về.*

- Bằng khứu giác:

*Mùi còn tô lức chuốt hồng
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.*

Trong ngôn ngữ hằng ngày, người Việt chúng ta còn dùng chữ thấy để diễn tả bằng vị giác

và xúc giác trong những cụm từ: Thấy ngon thì ăn, thấy dở thì bỏ, thấy mềm thì nắn, thấy rắn thì buông.

Ngoài việc diễn tả các cảm nhận bằng ngũ quan, chữ thấy trong ngôn ngữ Việt còn diễn tả những cảm nhận bằng tình cảm, bằng lý trí và bằng trí tuệ.

Vũ Hoàng Chương đã mở đầu thi phẩm Tình Thứ Nhất của ông bằng hai câu thơ:

*Xuân đắm trong mơ một buổi chiều
Bên em anh thấy sáng lòng xiêu.*

Ngủ một đêm dài, sáng mở mắt ra là thấy. Thấy là nhận ra, nhận biết bằng mắt: mắt thấy, tai nghe.

Thấy, nhìn là cái gì rất quen thuộc thật gần với chúng ta như hình với bóng, nhưng thấy không đơn giản như chúng ta nghĩ.

Ngày xưa, có một bà già lúc nào cũng khóc, người ta gọi đùa là "bà khóc".

Khi trời nắng bà nghĩ tới đứa con bán dù mà thương hại nó ế ẩm.

Khi trời mưa bà lại nghĩ tới đứa con bán giày mà tội nghiệp cho nó.

Cho nên trời mưa bà cũng khóc, trời nắng bà cũng khóc.

Có một người bạn khuyên bà: Khi mưa bà nên mừng cho đứa con bán dù được đất hàng. Khi nắng bà mừng cho đứa con bán giày phát tài. Như vậy phải hay không?

Từ đó người ta thấy "bà khóc" không khóc nữa. Bà luôn luôn tủm tỉm cười dù nắng hay mưa.

Mọi hoàn cảnh trở nên vui hay buồn là tùy lòng người nhận thức.

Thông thường thấy là mắt thấy với sự có mặt của ý thức hay nói là lòng nhìn sự vật qua mắt.

Nội dung và tác dụng của cái thấy tác động đến người thấy và vật bị thấy.

Phải chăng thế giới ta đang sống chỉ là hiện hữu của cái thấy mà không phải là thế giới chính nó đang là?

Trong quyển những Hạt Sương, Thích Chơn Thiện cho rằng cái nhìn không đơn thuần là một quá trình vật lý, mà là một chuỗi quá trình vật lý và tâm lý tiếp nối nhau:

Quá trình vật lý → nhận biết → nhận biết về sự nhận biết ấy....

Trong quá trình của tâm lý và vật lý ấy xuất hiện những tâm lý buồn, vui, ưa, ghét...

Carl Jang một nhà tâm lý học cuối thế kỷ XX đã nói: Bao giờ cái nhìn của bạn cũng bị giới hạn bởi những gì bạn đang có và đang là...

Quả thật, trước một sự vật, mỗi người có cái nhìn riêng và bị đóng khung trong điều kiện vật lý, tâm lý, sinh lý, kiến thức, tập quán, thành kiến và trí tuệ của mình. Văn hóa của thời đại cũng góp phần vào sự giới hạn.

Chính nhiều cái thấy giới hạn (duy tâm hoặc duy vật, thiên lệch, thấy với định kiến, thấy của gà què ăn quần cối xay", kiến bò miệng chén) đã dẫn đến các triết thuyết, chủ nghĩa, ý thức hệ khác nhau, với những hệ lụy của chúng đưa đến những tai hại khủng khiếp cho loài người.

Cái thấy đem lại hài hòa hạnh phúc, an vui, đồng thời nó cũng tạo ra mâu thuẫn, xung đột, khổ đau, chiến tranh.

Cùng một sự việc, một hiện tượng mà mỗi người có cái thấy riêng biệt. Chẳng hạn "lá vàng rơi" người nghệ sĩ, triết gia, nhà thơ, nhà khoa học, thầy tu... có cái thấy khác nhau.

Người ta nhìn thấy sự việc, hiện tượng qua cái tôi chủ quan, với những hệ lụy của nó.

Các nhà chính trị đều thấy tương lai đất nước họ, cũng như tương lai của thế giới; các vị giáo chủ của các tôn giáo đều thấy vũ trụ con người vạn vật, nhưng tùy theo môi trường sống tùy theo văn hóa, mức độ lý trí và trí tuệ mà mỗi vị có cái nhìn khác nhau.

Thực tế cho thấy ở đâu có tôn giáo tổ chức và những tư tưởng được hệ thống hóa thành ý thức hệ ở đó có mâu thuẫn, đối nghịch xung đột ngầm ngấm hay công khai, đôi khi đưa đến chiến tranh khủng khiếp.

Trong một nước đa số nhân dân và các nhà chính trị có cái thấy tương tự nhau thì nhân dân nước đó có đời sống ổn định ấm no, đoàn kết, cùng chung sống trong thanh bình thịnh vượng. Nếu nhân dân trong nước đó bị các nhà chính trị điều kiện hóa bởi những cái thấy khác nhau thì xã hội luôn luôn bị xáo trộn.

Hiện nay Việt Nam là nơi hội tụ của những tư tưởng Đông Tây Kim Cổ, ý thức hệ và tôn giáo. Thực tế cho ta thấy với cái nhìn kiến bò miệng chén, gà què mè ăn quần cối xay, cái nhìn thiên kiến của các ý thức hệ và các tôn giáo đã và đang tạo thành ốc đảo trong gia đình trong lòng dân tộc đưa đến những xung đột trên thế giới.

Cho nên người dân Việt nhất là giới trí thức, khoa bảng, chính trị gia, các nhà lãnh đạo tinh thần đều có những cái nhìn khác biệt nhau, nếu không muốn nói là mâu thuẫn đối nghịch nhau.

Trong phạm vi gia đình vợ chồng thấy, nhận biết khác nhau thì gia đình khó thấy tránh những mâu thuẫn lung củng, thường dẫn tới sự tan vỡ. Nếu cái thấy của cả vợ chồng mà đồng thuận thì gia đình êm ấm hạnh phúc. Ông cha ta thường nhắc nhở:

"Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn" để nói lên cái thấy đồng thuận của hai vợ chồng trong gia đình. Đồng thuận không có nghĩa là tạo ra những khuôn mẫu đạo đức khô cứng,

khuôn vàng thước ngọc phải tự nhiên, áp đặt dưới những chiêu bài giáo dục, sống đạo, thuyết phục mọi người phải noi theo, cũng không phải hòa để đồng hóa người.

Đồng thuận hòa trong ý nghĩa tự soi vào lòng làm nền tảng cho cảm nhận, chuyển dịch thiên thư vô ngôn của trời đất, thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cái "hiện tiền sinh động".

Chẳng hạn phân công, phân nhiệm hợp tình, hợp lý trong lao động:

*Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.
Chồng chày, vợ lưới, con câu*

Hoặc:

Em về nhỏ mạ, anh bừa ruộng chiêm.

Hay :

Giang sơn anh gánh, nợ nần em lo.

Trong giáo dục:

"cha khôn mẹ khéo."

Chúng tôi không tra vấn cái thấy, cái nhìn, không đánh giá thực chất của nó mà chỉ tìm hiểu bài thơ con cóc chỉ dạy cách thấy chân xác như thế nào.

Tiến trình canh tác và sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước đã hun đúc xây dựng cho nông dân Việt cách thấy chân xác trong nếp sống tỉnh thức tự nhiên trong đời sống hằng ngày.

Nông dân Việt thấy "con đặng đông" nhận biết như vậy, thấy y như vậy, không lựa chọn không tránh né hay mơ ước...mà lo thu dọn công việc cho thật nhanh để tránh cơn mưa:

"con đặng đông vừa trông vừa chạy".

Thấy con đặng Nam mà bỏ chạy thì mất công việc: *"con đặng nam vừa làm vừa chơi"*

Quạ tắm, thấy, nhận biết y như vậy (quạ đang tắm) không mơ ước hoặc ước ao là "sáo tắm": quạ tắm thì nắng , sáo tắm thì mưa.

Chuồn chuồn "bay thấp" hay "bay cao" hoặc "bay không thấp không cao", "bay vừa", thấy thực tế khách quan, không lẫn lộn giữa bay cao và bay thấp, **không ước ao theo nhu cầu của mình**. Nó như thế nào thấy y như vậy:

*Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì nắng bay vừa thì râm*

Hoặc:

*Én bay thấp mưa ngập bờ ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh.*

Phẩm tính của cách nhìn chân xác đó được diễn tả một cách cụ thể và rất đơn giản. Thấy con cóc nhảy ra, nhận biết thực tế khách quan, một cách trung thực: "Con cóc trong hang, "con cóc nhảy ra", thấy rõ "con cóc ngồi đó", rồi "con cóc nhảy đi" .Sự kiện xảy ra trước mắt như thế nào, thấy y như vậy.

Không thêm bớt một hình ảnh nào, không có cảnh mặt trời chiều hay bầu trời buổi sáng mùa thu hoặc buổi trưa mùa hè nóng bức, không linh động hóa cảnh vật mà chỉ kể lại một cách cụ thể, chính xác, rõ ràng, **chỉ ghi nhận chuyện đang xảy ra trước mắt**. Không ảo tưởng, vọng thức, không phê phán, (tức không nói thảm trong đầu) không can thiệp vào cái thấy. Không bận tâm đến nguồn gốc của con cóc và cũng không để tâm đến việc con cóc nhảy đi đâu. Nó nhảy đi ảo tưởng biết nó nhảy đi, thế thôi(vì nguồn gốc và cóc nhảy đi đâu không phải là việc đang xảy ra trước mắt)

Chính cái thấy trực tiếp đơn thuần đó đã tôi luyện, xây dựng nếp sống sẵn sàng chấp nhận cuộc sống dù đắng cay hay ngọt bùi, thuận lý theo thiên nhiên, thích nghi, thích ứng mọi hoàn cảnh, **sống trọn vẹn với cuộc sống** (tức với hiện tại, với cái đang là) để thăng hoa cuộc sống và con người ngay tại đây và bây giờ.

Nói theo ngôn từ triết học đó là nhân sinh quan hiện thực, nhân bản và tâm linh điều đó giải thích lý do tại sao Tổ Tiên chúng ta không hệ thống hóa cái thấy, cái biết rơ mình thành một hệ thống triết học với sách vở hay một hệ thống triết lý trên đầu môi(chữ nghĩa lời nói chỉ mô tả sự thật chứ không phải sự thật)hay tôn giáo với những giáo điều thâm diệu đề cao sứ mạng đem lại yêu thương, hạnh phúc bình đẳng, thái hòa cho nhân loại, nhưng trên thực tế ở đâu có tôn giáo tổ chức, ở đó có mâu thuẫn, đối nghịch, xung đột, chiến tranh; đó là chưa nói đến một số người lợi dụng kinh điển điều kiện hóa con người, **nếu không muốn nói nô lệ hóa con người**.

Với đầu óc thực tiễn, nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, cách làm ăn (trồng lúa nước) và **cái thấy trực tiếp đơn thuần** Tổ Tiên chúng ta chủ trương sống thực với con người trong tình người và tình người. Sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ là sống đạo (đạo sống Việt):

*Trăm nghe không bằng một thấy
Trăm thấy không bằng một lần trải qua*

Quan sát chứng kiến sự việc trong tình thức với một lòng giản dị, trực tiếp, đơn thuần. Thấy, nhận biết đơn thuần là một tâm ý không chọn lựa, không phê phán tức không tự nói thảm với mình, không tránh né, và không can thiệp vào sự nhận biết.

Sau khi ngộ đạo, thái tử Tất Đạt Đa chỉ dạy "cách nhìn đơn thuần mà Tổ Tiên chúng ta đã sống trọn vẹn với cái biết đó, trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, hàng ngàn năm trước.

Khi được hỏi: Có cần ước muốn giải thoát mới được giải thoát không? Đức Phật trả lời: Dầu

không ước muốn giải thoát mà thực hành đúng vẫn được giải thoát. (Majjhima-nikaya). Nhưng thế nào là thực hành đúng? Đức Phật đã dạy: Thấy như thực thấy, nghe như thực nghe, xúc như thực xúc, biết như thực biết."

Một vị tỳ kheo biết mình sắp lâm chung liền tinh tấn thực hành lời dạy đó của Phật và tự mình giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

(Sư Viên Minh, Thư Thầy Trò, trang 52).

Một hôm khác Bahiya Daruciriya, một tu sĩ được nhiều người đương thời kính trọng, cầu xin Phật thuyết pháp vấn tất thì Ngài dạy:

Này Bahiya người cần học tập như sau: Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy, trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ, tưởng...trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Như vậy đoạn tận khổ đau.
(Con đường an vui và hạnh phúc, trang 25).

Lời dạy của Đức Phật thật đơn giản, cụ thể và rõ ràng, đối tượng như thế nào, thấy nó y như vậy. Nó như vậy là như vậy, tâm trí không có ý kiến gì về cái thấy nghĩa là không phê phán, không can thiệp vào cái thấy, sự nhận biết.

Trong nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước tiến trình canh tác và sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước **đòi hỏi người nông dân phải ý thức công việc mình đang làm**. Nếu không sẽ đạp lên mạ, lúc đang cấy ... hoặc thay gì nhỏ cỏ lại nhỏ mạ; và thấy sự kiện, sự việc hay hiện tượng ... nó như thế nào, thấy y như vậy. Nó như vậy là như vậy. Chẳng hạn cơn đằng đông thì thấy y như vậy, không thể mong ước gió đưa mây bay về đằng nam để tiếp tục làm việc vì cơn đằng nam vừa làm vừa chơi.

Cơn đằng đông thì thấy y như vậy không có ý kiến gì về cái thấy, sống trọn vẹn với cái thấy, lo dọn dẹp thu xếp công việc để tránh mưa: cơn đằng đông vừa trông vừa chạy.

Nó như vậy, thấy ý như vậy, sống trọn vẹn với cái đang xảy ra trước mắt (cái hiện tiền, cái đang là); ngay trong giây phút đó suy nghĩ, tư tưởng không còn có chỗ đứng.

Như vậy khi tư tưởng hay suy nghĩ (tự nói thầm trong não) khởi lên (con cóc trong hang, con cóc nhảy ra) thì thấy nó y như vậy (con cóc ngồi đó), nhận biết rõ ràng cái gì đang xảy ra (suy nghĩ đang khởi lên - con cóc ngồi đó) không phê phán, không can thiệp vào, không vận dụng bất cứ một phương pháp nào **dù ngắn gọn thực tiễn khoa học**, để làm chủ suy nghĩ chiến thắng tự ngã, ngõ hầu sẽ đạt được một thành tựu nào đó như tánh giác sẽ hiện hữu, nhất tâm, định..... chẳng hạn; không bằng lòng với thực tại, không chấp nhận cái đang xảy ra (suy nghĩ, con cóc đang ngồi đó) mới vận dụng một phương pháp nào đó để trở thành nhất tâm, để chiến thắng tự ngã, để tánh giác thể hiện giác ngộ, giải thoát Không bằng lòng tức là "sân". Muốn trở thành là "tham".

Ngoài thực tại của tâm, tất cả đều là huyền tượng (Bồ đề đạt Ma)

Không bằng lòng thực tại, cái đang xảy ra trước mắt, suy nghĩ đang khởi (con cóc ngồi đó) tức "sân"; muốn trở thành tức "tham". Ở đâu có tham, sân, ở đó có si.

Tham vọng dưới bất cứ hình thái nào- hoặc nhắm vào đoàn thể hay cá nhân, hoặc thân chứng tâm linh đều là hành động hện lại. Lòng ham muốn luôn thuộc về vị lai ; mong trở thành tức phản hành động trong hiện tại. Hiện tại có đầy đủ ý nghĩa hơn là ngày mai. Hiện tại bao hàm toàn thời gian. Nên hiểu sống trọn vẹn với hiện tại tức thoát ly với thời gian. Trở thành tức tiếp nối thời gian và khổ não. Trong trở thành không có hiện thực. Hiện thực luôn thuộc về hiện tại, và đó là hình thái cao nhất của sự biến thông. Trở thành chỉ là một sự tiếp nối đổi hình. Sự biến thông tận gốc chỉ có hiện tại (Khrishnamurtri).

Sống trong giờ phút hiện tại là sống trong vĩnh cửu, nếm mùi vị của giờ phút hiện tại mà không có ý kiến nào của tâm trí là nếm mùi vị của bất tử (Osho).

Trong ba mươi ngày thiền quan, thiền sư Joseph gosldstein đã phát biểu : đừng cố gắng ngăn chặn sự suy nghĩ của mình. Hãy để tự nó chấm dứt. Nếu có một tư tưởng nào xuất hiện, hãy để nó đến rồi để nó đi (con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi) chúng chẳng ở lâu đâu. Còn khi anh dùng công để ngăn chặn nó, có nghĩa là anh bị nó làm khó chịu. Đừng bao giờ để chuyện gì làm cho anh phải bức mình. Điều mà anh tưởng rằng đến từ bên ngoài, thật ra chính là những đợt sóng trong tâm anh, và nếu anh không khó chịu vì những đợt sóng chúng dần dần sẽ trở nên yên bình hơn. Chẳng có gì là ở ngoài tâm anh đâu... Nếu anh để cho tâm anh được tự nhiên (thuận lý theo thiên nhiên) nó sẽ trở nên tĩnh lặng. Tâm này ta gọi là chân tâm. (chúng ta gọi tên gì cũng được, nó như vậy là như vậy)

Hãy để mọi việc xảy ra một cách tự nhiên. Hãy để những hình ảnh, tư tưởng, cảm giác sinh ra và diệt đi (con cóc trong hang, con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi) mà không khó chịu, phản ứng phê phán hay ôm giữ. Thái độ này sẽ đem lại cho tâm ta một sự quân bình và tĩnh lặng vô cùng nhanh chóng.

Phải chính vì thế, Tổ Tiên chúng ta không bận tâm đến tính giác, nhất tâm định, ...(những cái hiện tại không có...) mà chỉ nhắc nhở thấy một cách đơn thuần; đối tượng như thế nào (sợ hãi, suy nghĩ không bằng lòng, sân...) thấy nó y như thế; sống trọn vẹn với "Cái đang là" cái đang xảy ra trước mắt (con cóc ngồi đó) thuận lý theo thiên nhiên mới là sống thực.

Qua quá trình của cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay khoảng 7000-8000 ngàn năm, Tổ Tiên người Việt qua cái thấy trực tiếp đơn thuần đã cảm nhận chuyển dịch thiên thư vô ngôn của trời đất, quy luật biến dịch của thiên nhiên vào dòng sông dân tộc, đồng thời hòa quyện với lòng người xây dựng nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (hòa cả làng)chan chứa tính người và tính người. Nếp sống chan chứa tình người đó lấy "hòa" làm chủ đạo cho mối liên hệ ứng xử: Hài hòa giữa thân và tâm để chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình" **Trăm hay là xoay vào lòng**" với cái nhìn đơn thuần; hài hòa giữa người với người cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình; hài hòa giữa người với thiên nhiên, theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh "**học ăn, học nói, học gói, học mở**" với đích hướng của tâm thức dân tộc: Biến - Hóa - Thăng hoa - Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ.

Lấy con người làm gốc cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần, "Dù xây chín bật phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người", với định hướng thăng hoa con người như nước bốc hơi, như Tiên Rồng, lấy tình thương và trí tuệ làm lẽ sống cho dân tộc:

*Thương người như thể thương thân.
Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống.*

- Tiên Âu cư sống trên núi(non nhân), Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước trí). Biểu tượng mẹ Tiên Âu Cờ và cha Rồng Lạc Long là biểu hiện rục rờ của nhân ái và trí tuệ để con cái Việt noi theo.

- Ca dao tục ngữ, tiếng nói tâm thức dân tộc, nhắc nhở đạo lý dân tộc là tình thương:

*Thấy người hoạn nạn thì thương ,
Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn
Thương người bớt miệng mà cho.*

"Nhường miếng ăn","bớt miệng mà cho" vì may thay ở chốn bình yên, thấy người hoạn nạn nữ quên sao đành", chan chứa tính người và tình người, chứ không phải lấy của dư thừa bố thí để được phước; Bố thí ba-la-mật, không thấy người cho, của cho, người nhận, đã trở thành lý tưởng trên đầu môi chót lưỡi.

Tổ tiên chúng ta sinh ra và lớn lên và trưởng thành trong xã hội với nếp sống thực tiễn chan chứa tính người và tình người:

"Thương người người lại thương ta". Dần dần qua thực tế của đời sống ý thức được". "Ghét người mình lại hóa ra ghét mình"; rồi không còn phân biệt mình với người "Thương người như thể thương thân", trở thành đạo lý của dân tộc. Mình và người, chủ thể và khách thể cũng mất: chỉ còn "là lành đùm lá rách", "Một miếng khi đói bằng một gói khi no". Tình thương không mang nhãn hiệu, vô phân biệt như thế, còn gì nhân bản hơn.

*Tình thương trở thành tình nghĩa đồng bào.
Người trong một nước phải thương nhau cùng*

và tình nhân loại:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Tình thương hồn nhiên trong sáng hóa giải mọi mâu thuẫn xung đột ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội :

"thương nhau củ ấu cũng tròn"

và:

"một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng".

Nói ngắn gọn có tình thương là có tất cả. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã khẳng định như thế. Trong đạo

lý cho thiên nhiên kỳ mới: Chúng ta có thể ném bỏ hết tất cả các thứ khác: Tôn giáo, lý tưởng, tất cả các thứ trí tuệ thọ nhân. Nhưng chúng ta không thể tránh khỏi sự cần thiết của tình thương và tâm từ bi.

Điều đó, như thế, chính là tôn giáo thật sự của tôi, đức tin đơn thuần của tôi. Trong ý nghĩa đó, không cần đến chùa chiền hoặc giáo đường, điện thờ hay tòa thánh, cũng không cần các triết lý, giáo lý hoặc chủ thiết phức tạp. Tự tâm ta, tự thức ta, chính là đền thờ. Chủ thuyết là từ bi. Tình thương đối với tha nhân và tôn kính đối với quyền lợi và phẩm cách của họ cho dù họ là ai và làm gì: Cuối cùng đó là tất cả những gì chúng ta cần. Khi thực hành các điều trên trong đời sống hàng ngày, rồi thì bất kể ta thọ học hoặc vô học, bất kể ta tin nơi đức Phật hoặc Thượng đế, hoặc tin theo tôn giáo nào khác hoặc không tin theo gì cả, một khi ta có tâm từ bi cùng tha nhân và hành xử với sự giới chế phát xuất từ cảm thức trách nhiệm, không còn phải nghi ngờ nữa về hạnh phúc của chúng ta. (trang 278-279)

Nếp sống hài hòa đầy ấp tình người minh chứng nguyên lý âm dương (ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức người nông dân Việt) và tiến trình canh tác cũng như sự phức tạp của kỹ thuật trồng lúa nước, mang tính thời vụ rất cao đã xây dựng cho người nông dân **Việt lối sống chú tâm vào công việc đang làm** (ngày nay gọi là sống tỉnh thức) và **cách thấy trực tiếp, đơn thuần**: đối tượng như thế nào, thấy nó y như vậy, không phê phán, không can thiệp vào cái thấy, tức không có ý kiến gì về sự nhận biết, cái đang xảy ra trước mắt.

Cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống của thảo mộc và thiên nhiên. Nhân sinh quan "thảo mộc thiên nhiên" này với cái nhìn trực tiếp đơn thuần trong tỉnh thức đã tạo nên sự "thống nhất tri thức và tâm thức" một cách tự nhiên, thuận lý theo thiên nhiên. Nói một cách đơn giản hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả nông dân đều có cái thấy, cái biết tương tự nhau, phát triển tâm linh theo chiều kích tình thương và trí tuệ với định hướng thăng hoa con người, hòa cùng vũ trụ (Nho - Lão - Phật chưa đến), mà sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ (con cóc ngồi đó), không quan tâm đến nguyên nhân đầu tiên (nguồn gốc con cóc) và cũng không để tâm đến việc truy tìm một thế giới an lạc hay những hứa hẹn trong tương lai (con cóc nhảy đi, biết nó nhảy đi, thế thôi)

Sẵn sàng chấp nhận cuộc sống, cởi mở bao dung, thuận lý theo thiên nhiên, thích nghi thích ứng với mọi hoàn cảnh, không mong tìm đến một thế giới tốt đẹp (chân - thiện - mỹ), sống trọn vẹn với hiện tiền, với cuộc sống và con người trong tính người và tình người, yên vui trong thanh bình, với nếp sống hòa cả làng, tại đây và bây giờ.

Nói theo ngôn từ ngày nay, với óc thực tiễn và truyền thống hiện thực, nhân bản và tâm linh, Tổ Tiên chúng ta không bận tâm đến Niết Bàn, thiên đàng hoặc giải thoát, giác ngộ hay tánh giác, định, v.v.....mà thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với hiện tiền ngay tại đây và bây giờ, thăng hoa con người và cuộc sống.

Sống trọn vẹn với hiện tại, với cái đang là, cái đang xảy ra trước mắt nghĩa là sống trọn vẹn với cuộc sống là sống đạo. (Đạo Sống Việt) (1).

Ông Krishnamurti cũng đã khẳng định như thế: Cái mà Jesu gọi là Thiên đàng, Phật gọi là Niết Bàn, tôi gọi là cuộc sống.

Sống là đạo, ngoài ra không có đạo nào khác đạo nào khác đều tìm thánh mà bỏ phạm, đều ham ngộ mà ghét mê, đều bỏ đời mà cầu đạo, đều tự trói buộc mình ... Cho nên bất cứ phương diện nào của cuộc sống cũng là đạo.

(Lời bạt của Trúc Thiên trong Sáu cửa vào động Thiếu Thất)

Lục Tổ Huệ Năng đã khẳng định:

*Phật pháp ở thế gian
Chẳng lìa thế gian giác
Lìa thế kiếm Bồ đề
Giống như tìm sừng thỏ.*

(Lời dịch của Thầy Thích Thanh Từ)

Như vậy, Phật pháp ở trong cuộc sống hàng ngày. Bỏ thế gian này, lìa xa cuộc sống này mà đi tìm Bồ đề, tức tìm đạo thì không khác gì đi tìm sừng thỏ, nghĩa là đi tìm một cái mà muôn đời, vạn kiếp không bao giờ tìm được.

(Nhi Bát Nhược - Giải thoát tức thì, trang 33)

Nói một cách ngắn gọn, Tổ tiên người Việt đã xây dựng được nếp sống hài hòa chan chứa tính người và tình người, thuận lý theo thân nhiên, sống chan hòa an cư lạc nghiệp trải qua một thời gian khá dài trong mấy ngàn năm.

Nhưng khoảng 150 năm trước Tây lịch, sau khi tiếp xúc với văn hóa Trung Hoa (Nho - Lão) và Ấn Độ (Phật giáo) hầu hết những người học chữ Hán và một số dân chúng sống ở những nơi đô hội, đô thị chịu ảnh hưởng sâu đậm, nếu không nói là nô lệ tư tưởng Trung Hoa và Ấn độ

(Thời đại này chưa tiếp xúc với phương Tây)

Sự việc này khiến cho một số người Việt bị điều kiện hóa bởi tư tưởng Nho - Lão - Phật có nhiều cái thấy khác biệt nhau; đồng thời họ sống xa rời đời sống linh động, hiện thực, nhân bản và tâm linh, truyền thống "sống thực" ngay tại đây và bây giờ của dân tộc, mà sống với những khái niệm, những lý thuyết trong sách vở và kinh điển. "Họ đề cao hư danh hơn là sự thật, cao rao lý tưởng hơn là thực tế. Hy vọng tương lai hơn là hiện tại".

(Sư Viên Minh - Thư Thầy Trò. Trang 87)

Trước thực trạng đó, dân chúng và một số người học chữ Hán còn tâm Việt hồn Việt, đứng trên hai chân của chính mình đã kết đọng tâm thức dân tộc bằng những câu ngắn gọn có vần có điệu - ca dao tục ngữ - đi thẳng vào lòng người để người Việt "trở về với con người và cuộc sống" trong tính người và tình người: đó là tụ điểm hóa giải mọi mâu thuẫn và nghịch lý để chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Cho nên, hiện nay chúng ta mới có khoảng 50,000 câu ca dao tục ngữ nói lên mọi lãnh vực của đời sống vật chất và tinh thần, ngoại trừ lãnh vực khoa học kỹ thuật hiện đại.

Trong văn hóa truyền miệng đó có bài thơ mà người ta gọi là bài thơ con cóc nói lên cái thấy đơn thuần, trực tiếp: đối tượng như thế nào thấy nó y như vậy, không phê phán, không can thiệp vào cái thấy, và nhắc nhở chúng ta sống thực hơn là lý thuyết, thực tế hơn là lý tưởng, hiện tại hơn là tương lai:

*Trăm nghe không bằng một thấy
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Nói tóm lại, bài thơ con cóc dạy chúng ta đơn thuần quan sát nghĩa là đối tượng như thế nào, thấy y như vậy; nó như vậy là như vậy, không phê phán, không can thiệp vào cái thấy là chìa khóa mở cửa vào cuộc chuyển hóa tâm thức, tự biết mình, tự thay đổi mình; là làm phong phú khả năng cảm nhận thiên nhiên (Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất). Người thầy vô tư, vĩ đại, vi diệu sẵn sàng chỉ dạy chúng ta không điều kiện; là tạo điều kiện thuận lợi cho **hạt giống tình thương nguyên nguyên phát triển** hân nhiên trong sáng (2).

Nói cách khác, cái thấy trực tiếp đơn thuần, mà bài thơ con cóc chỉ ra, không tìm cầu đến tôn giáo, không bận tâm đến tánh giác, định, giải thoát, v.v., không thuyết giảng dông dài, rất giản dị, thực tế, sống trọn vẹn với cái “đang là” (cái hiện tiền, cái đang xảy ra trước mắt), nghĩa là sống trọn vẹn với cuộc sống (cái thực, cái hiện tại) theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ.

Tình thương hân nhiên trong sáng trong ý nghĩa dưới ánh sáng của trí tuệ, không mang bất cứ nhãn hiệu nào để hóa giải tận gốc mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội.

*Thương nhau cũ ấu cũng tròn
Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng.*

Đời sống con người cũng như đời sống xã hội không chỉ khác hơn là những thể cách sai khác của TÌNH THƯƠNG (Tuyên Ngôn Con Người, Tủ Sách Nhân Chủ Xã Hội, Năm 1969, trang 40). Điều đó giải thích đạo lý của dân tộc Việt Nam là “thương người như thể thương thân” (3).

Thương người như thể thương thân cũng là đạo lý của con người nói chung trong nền văn minh quân bình giữa khoa học và tâm linh, giữa vật chất và tinh thần mà loài người đang hướng tới: **nền văn minh nhân bản đích thực**.

Tủ Sách Việt Thường
www.tusachvietthuong.org

GHI CHÚ:

1. Không phải hề cứ gọi Đạo tức là con đường. Con đường luôn có khởi điểm và có chỗ đến.

Từ Đạo được dùng rất nhiều nghĩa.

Đạo trong Lão Tử Đạo đức kinh là chân lý rốt ráo, đạo trong Thiên Chúa giáo là lẽ thật và sự sống đời đời. Đạo trong Khổng học là cách xử thế tiếp vật, minh đức thân dân và chí thiện.

Trong đạo Phật, Đạo dùng trong Đạo đế có nghĩa là "sự thực hành nhằm vào khổ diệt" (Dukkha-nirodha-gamini -pati-pada), hoặc đạo trong Bát chánh đạo được định nghĩa là "tiêu tan phiền não" (kilesemarento). Nói theo kinh Bát Nhã thì Đạo tức là "chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách" vậy.

Trong tất cả các thuật ngữ Đạo nói trên, không có thuật ngữ nào chỉ con đường có đi có đến cả.
(Sư Viên Minh - Vị Tiểu, trang 119)

Đạo là cuộc sống. Ngoài cuộc sống không có đạo. Sống trọn vẹn với cuộc sống chính là hành đạo, là tự mình mở cửa và tức thì bước vào cõi giải thoát hoàn toàn. Vì thế mà ngài J.Krishnamurti khẳng định: Cái mà Phật gọi là Niết Bàn, Jesu gọi là Thiên Đàng, tôi gọi là cuộc sống.

(Nhi Bát Nhược - Giải thoát tất thì, năm 1999, trang 34)

Đạo trong Đạo Sống Việt là sống của người dân Việt nói riêng và dòng sống sinh động và linh động hòa quyện với dòng tâm thức dân tộc nói chung.

2. Người còn tâm Việt hồn Việt, đứng trên hai chân của mình ý thức được dễ dàng Thái tử Tất Đạt Đa sinh ra, lớn lên trong xã hội phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt, thiếu vắng tính người và tình người. Sau khi ngộ đạo, Ngài thuyết pháp, kêu gọi người dân Ấn Độ phát triển, nuôi dưỡng tâm từ bi.

Khổng Tử ở Trung Quốc sinh ra, lớn lên và trưởng thành trong thời Xuân Thu chiến quốc, chiến tranh triền miên, dần dần "người ta hóa ra thích đánh nhau, mà giới quý tộc càng ngày càng thích giết nhau; có khi chặt đầu cả chục ngàn người."

(Will Dumant, Lịch sử văn minh Trung Quốc, NXB Văn nghệ, 1993, trang 28)

Khổng Tử đề cao chữ nhân trong một xã hội cực kỳ hỗn loạn, thiếu vắng tính người và tình người.

Jesus sinh ra, lớn lên trong lòng của đế quốc La Mã. Ông hô hào CÔNG BẰNG BÁC ÁI trong xã hội mà một số triết gia chủ trương với học thuyết và kiến giải cần phải có nô lệ thì xã hội mới tồn tại và phát triển.

Trái lại, người nông dân Việt, Tổ tiên chúng ta sinh ra, lớn lên và trưởng thành trong một xã hội chan chứa tính người và tình người. Trong gia đình (thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn),

trên đồng ruộng với tập tục tương trợ tương ái, đôi công, vắn công, nay người mai ta, ngoài xã hội với truyền thống "có việc thì đến hết việc thì đi", coi nhau như bát nước đũa này là hơn với đạo lý "thương người như thể thương thân", xem mọi người trong xã hội như cùng một mẹ sinh ra (đồng bào), qua cách xưng hô, có một không hai trên thế giới (chú, bác, cô, dì ...). Điều đó giải thích tại sao xã hội Việt Nam không có chế độ nô lệ, nông nô như ở Tây phương, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Bắc Mỹ ... Ai nở lòng nào bắt chú, bác cô, dì của mình làm nô lệ.

Tổ tiên chúng ta sinh ra lớn lên và trưởng thành từ cách đồng lúa phì nhiêu. Đồng lúa đã hun đúc cho dân tộc lễ sống, một cơ cấu xã hội vững bền, xã hội tự trị mang tính dân chủ dung hợp được tự do và bình đẳng cảm nhận được từ Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) qua lắng kính nhân bản và nhân chủ, xây dựng nếp sống hiện thực nhân bản tâm linh ...; và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa. Thăng hoa như nước bốc hơi, như Tiên Rồng theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ, với định hướng hòa cùng vũ trụ.

3. Trước khoảng 9000 người tại Gibson Amphitheatre ngày 13-9-2006, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chỉ ra: Hạnh phúc là có được tâm bình an. Muốn có tâm bình an, hãy nuôi dưỡng tâm từ bi. Từ bi không phải của riêng một tôn giáo nào. Người mẹ nào cũng nuôi con bằng tâm từ bi. Mọi cá nhân hãy học từ bi từ người mẹ và gìn giữ từ bi với xã hội, đất nước, nhân loại.

Phải chăng tình thương hồn nhiên trong sáng không thể tìm trong kinh điển hay qua những buổi thuyết giảng nên Đức Đạt Lai Lạt Ma đã chỉ ra rằng "mọi cá nhân hãy học từ bi từ người mẹ"?

Ngài còn chỉ ra từ bi là một trong các điều chủ yếu khiến cuộc đời ta có ý nghĩa. Đó là suối nguồn của mọi thứ hạnh phúc và niềm vui lâu bền.

Tình thương là hơi thở của vạn hữu. Tình thương chính là sinh mạng của con người. Không có tình thương thì không có con người đứng ý nghĩa của nó. Cũng không thể quan niệm con người ngoài tình thương.

Tình thương không chấp nhận phân tích, thuyết giảng, lý luận. đem tình thương ra mổ xẻ phân tích là tách rời tình thương ra khỏi con người.

Một khi đánh rơi tình thương, con người trở thành khuyết tật, nếu không muốn nói chính nó đã tự khai tử.

Lý luận giải thích, thuyết giảng về tình thương, kêu gọi tái thiết con người trên tình thương đặt nó trở lại đúng bản vị đích thực của nó, v.v... Chỉ là mô tả tình thương, mô tả sâu sắc đến đâu đi nữa thì cũng là diễn tả về tình thương, chứ không phải tình thương. Chữ nghĩa, lời nói chỉ mô tả sự thực, chứ không phải là sự thực.

Phải chăng vì thế mà nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng chỉ ra "học TỪ BI từ người Mẹ"?

Đối với dân tộc Việt Nam, khi thái tử Tất Đạt Đa, ông Không, ông Jésus chưa sinh ra đời và khi ý niệm Nho-Lão-Phật chưa đi vào đời sống người Việt Nam thì tình thương phát sinh từ đâu, nếu không từ người Mẹ; đó là người đưa chúng ta vào đời.

Khởi đi từ dòng sông: "*Cha khôn mẹ khéo*" thai nhi được cấy trồng hạt giống tình thương từ lúc thụ thai.

Cảm nhận chuyển dịch từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất, qui luật biến dịch của thiên nhiên, hòa quyện với thiên chức của người mẹ, tình thương được truyền thẳng từ tâm qua tâm. Hạt giống tình thương được nuôi dưỡng suốt thời thai giáo trong tính người và tình người. Rồi bé được ấp ủ, triu mến với lòng thương yêu vô bờ bến của người Mẹ.

Lớn lên trong môi trường thuận lợi, thích hợp tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, với tính thần tương trợ, tương thân, tương ái, với cung cách xưng hô với tha nhân như người thân trong gia đình, tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

Từ cuộc sống thực tế, con người chiêm nghiệm được "*thương người người lại thương ta*", thấu hiểu sâu sắc sự tương quan giữa người với người và trực nhận ra "*ghét người, mình lại hóa ra ghét mình*". Sự hiểu nghiệm trong tính người và tình người đó xây dựng nhân sinh quan không phân biệt mình và người, đưa đến đạo lý dân tộc "*thương người như thể thương thân*" được hình thành trong lòng người dân Việt, trở thành bản sắc dân tộc. Tình thương hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội.

"*Thương nhau củ ấu cũng tròn*". Ở đâu có tình thương ở đó có chấp nhận dị biệt "*rằng trong lễ phải có người có ta*" và khước từ bạo lực (khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời). Ở đâu có tình thương, ở đó có hài hòa bình an và hạnh phúc.

Khi người mẹ cấy trồng nuôi dưỡng hạt giống tình thương cho thai nhi thì hạt giống mang tính người và tình người đó hoàn toàn là vật sở hữu của thai nhi. Cho nên tất cả - môi trường sống, hoàn cảnh xã hội, gia đình, tha nhân, v.v... kể cả người mẹ chỉ là thế giới bên ngoài tạo điều kiện thuận lợi tác động vào thế giới tâm linh bên trong để tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

Chính sự nảy nở và phát triển hạt giống tình thương của hài nhi mới là điều chính yếu. Còn đời sống gương mẫu với lòng hy sinh quên cả bản thân và tình thương bao la của người mẹ chỉ là yếu tố tác động nội tâm của hài nhi cũng như trong suốt quá trình trưởng thành. Trong quá trình trưởng thành của con người mức độ thăng hoa của tình thương tùy thuộc vào nội tâm con người còn tất cả yếu tố bên ngoài chỉ là thành tố xúc tác mà thôi.

Tình thương do kinh sách, lời thuyết giảng v.v....là tình thương ngoài da, nếu không muốn nói tình thương có tư dục tình thương có nhãn hiệu. Khi gặp nghịch cảnh nó rơi rớt dễ dàng. Chỉ có tình thương phát sinh từ nội tâm mới hồn nhiên trong sáng và vĩnh cửu, hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình, và ngoài xã hội.

Phải chăng vì thiếu vắng tình thương hồn nhiên trong sáng nên bạo lực khủng bố hận thù, chiến tranh xảy ra khắp nơi? "Người ta nói đến tự do nhưng thực chất là giam giữ con người trong nô lệ của ý hệ và tôn giáo. Họ chủ trương hòa bình nhưng thực chất giành giật nhau từ thể xác đến linh hồn. Họ hô hào tình thương bác ái nhưng thực chất là hận thù đôi nghịch. Họ ca tụng văn minh nhưng thực chất đã man cuộn loạn".

(*Sư Viên Minh- Thư Thầy Trò, trang 86*)

Môi trường trưởng dưỡng tình thương hồn nhiên trong sáng thích hợp và hợp tình hợp lý nhất là gia đình mà người mẹ là nội tâm là then chốt.

Không ai có thể thay thế người mẹ trong vai trò, giáo dục nhân bản tâm linh. Chính người mẹ đã cấy trồng nuôi dưỡng hạt giống tình thương từ khi thụ thai và suốt thời gian thai giáo. Không ai hiểu mình bằng chính mẹ mình. Người mẹ cảm thông nhận được những cử động của thai nhi từng giây phút. Rồi ôm ấp, triêu mến với lời ru truyền từ tâm qua tâm, tạo điều kiện để hạt giống đầy tính người và tình người nảy nở phát triển, thời bé nằm nôi, trong quá trình trưởng thành người mẹ nuôi dưỡng tâm lý, tình cảm, người cha mở rộng sự hiểu biết cho con cái (cha khôn mẹ khéo). Nhưng ảnh hưởng của người mẹ trong phát triển tình thương chỉ đến một mức độ chừng mực nào đó thôi.

Cho nên cốt lõi của vấn đề không phải học hỏi từ ai, cũng không phải tôn giáo này hay tôn giáo kia hoặc ông thầy này, hay ông thầy kia... Mà trở về với chính mình, tự biết mình, tự thực hiện cuộc cách mạng tâm linh để tình thương và an lạc tự thể hiện.

Không ai ngoài mình ra có thể truyền cho mình nguồn sáng nội tâm, ... Không thể thấy sự hiển hữu tâm linh mình (tình thương, trí tuệ, vị tha, ...) trong đôi bàn tay rộng mở của người khác. Chiều sâu của tâm linh tương ứng với mức độ tự biết chính mình. Càng tự biết mình nguồn sáng nội tâm càng dễ phát sinh, tạo sự bình an và an lạc trong tâm hồn. Đức Phật cũng chỉ dạy: "hãy tự thắp đuốc lên mà đi". Ngài khuyên các môn đệ hãy nương tựa nơi chính mình "không bao giờ nên tìm nơi nương tựa hay sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác. Tổ Tiên chúng ta thường nhắc nhở: Trăm hay là xoay vào lòng (vì) ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình. Như vậy người Việt Nam mà không còn "hương Việt" (tâm việt, hồn việt) mất gốc vong thân không đứng được trên hai chân của chính mình, TỨC KHÔNG TỰ BIẾT CHÍNH MÌNH LÀ AI thì không có nền tảng vững chắc để phát triển tâm linh chuyển hóa tâm thức.

Đã đến lúc người việt cần phải tự ý thức thực hiện được cuộc cách mạng tâm linh trên nền tảng giáo lý của tôn giáo mà mình đang theo để trở thành "Người thiện lành".

Tình thương hồn nhiên trong sáng sẽ phá bỏ ốc đảo trong lòng dân tộc và trong gia đình, trở về với bản sắc dân tộc. Nói một cách cụ thể trở về với một tinh thần khai phóng, cởi mở, bao dung, vị tha trên nền tảng " Ghét người mình lại hóa ra ghét mình", với đạo lý dân tộc, "Thương người như thể thương thân", cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Còn tâm việt hồn việt thì còn ý thức được chính tinh thần khai phóng, cởi mở, bao dung, vị tha mà ông cha ta đã đưa tay đón nhận tất cả tư tưởng và tôn giáo trong tinh thần " Trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ", với chủ trương khước từ bạo lực, đối thoại khi có mâu thuẫn: "khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời". Ông cha ta đã dạy: ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ kẻ trồng cây, uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước: "*uống nước nhớ nguồn*"

Để chuyển hóa mình, tự biết mình là điều hết sức cần thiết. Không biết mình là ai thì sẽ không có một nền tảng nào cho những suy nghĩ đúng đắn phát triển, và không biết mình là ai thì sẽ chẳng bao giờ tạo ra được một chuyển hóa nào cả.

(J. Krishnamurti - what are you doing with your life - trang 10)

Đức Đạt Lai Lạt đã xác quyết rằng : "tôi mãi mãi là người", Tây Tạng và ngài thường phát biểu rằng "Phật giáo Tây Tạng của chúng tôi ... Phải chăng chính với tâm hồn người Tây Tạng và đứng được trên hai chân của chính mình mà tâm linh của nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng đã phát triển, thăng hoa đến mức độ ngài được mệnh danh là "Phật sống"?

Người Việt thờ cúng tổ tiên cũng tự ý thức thực hiện cuộc cách mạng tâm linh, một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, cuộc chuyển hóa thực sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người, hội nhập hòa mình vào dòng sống sinh động của dân tộc chan chứa tính người và tình người mà ông cha ta đã nhắc gọi qua biểu tượng than tổ kép TIÊN RỒNG.

Khởi điểm cuộc cách mạng tâm linh là trở về với chính mình qua cái nhìn trực tiếp đơn thuần, như nội dung của bài thơ con cóc đã diễn tả để tự biết mình (trăm hay xoay vào lòng vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình) với nếp sống tĩnh thức, qua quá trình "học ăn học nói học gói học mở", theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng tâm thức dân tộc: Biến - Hóa - Thăng hoa - Hòa đồng được khai triển từ lý tắc TIÊN RỒNG (ÂM DƯƠNG) hòa cùng vũ trụ.

Với tình thương hồn nhiên trong sáng dưới ánh sáng của trí tuệ và với cái nhìn trực tiếp đơn thuần chúng ta sẽ biết làm gì cho mình, cho gia đình, cho dân tộc và nhân loại.

Tình thương hồn nhiên trong sáng, thể hiện chẳng những mình có hạnh phúc mà còn cứu được đất nước và đóng góp phần mình vào công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản trong tương lai.

Muốn cứu người là phải tự cứu mình trước, nghĩa là tự hiểu chính mình.

Là người Việt chúng ta phải nhắc nhở nhau phát huy thông điệp của tổ tiên về cách nhìn chân xác qua bài thơ con cóc và sống thực, sống trọn vẹn với cuộc sống và con người ngay tại đây và bây giờ hơn là lý thuyết và tương lai:

*"Trăm nghe không bằng một thấy,
Trăm thấy không bằng một lần trải qua".*